

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2019/DS-ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2019
“V/v tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Thúc;
- Bà Nguyễn Thị Nghi.

Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019, về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thái H, sinh năm 1963 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã TV, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn XTr, xã TV, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Thái H trình bày: Ông Phạm Thái H và chị Nguyễn Thị Minh Th có mối quan hệ quen biết với nhau, do cần tiền để làm vốn chăn nuôi gà nên chị Th có vay tiền của ông hai lần cụ thể: Ngày 20/10/2018 vay số tiền 18.000.000đ hạn 30 ngày trả; ngày 30/10/2018 vay số tiền 52.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, tổng cộng số tiền chị Th vay ông là 70.000.000đ, hai bên có viết giấy biên nhận số tiền vay trên, chị Th trực tiếp viết và ký giấy biên nhận nợ. Quá trình vay nợ chị Th đã không trả nợ cho ông như đã thỏa thuận, rất nhiều lần ông đến đòi nợ nhưng chị Th đều khất nợ và không thực hiện trả nợ. Quá trình làm việc tại Tòa án chị Th đã trình bày có nhờ chị dâu là Nguyễn Thị Th1 trả nợ hộ số tiền 18.000.000đ là không đúng, ông không nhận được bất cứ khoản tiền nào. Đến nay ông H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc chị Th phải thanh toán trả nợ cho ông tổng số tiền

nợ gốc là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), ông H không yêu cầu chị Th phải trả lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh Th trình bày: Chị và ông Phạm Thái H có mối quan hệ là quen biết, do có nhu cầu vay vốn để chăn nuôi gà nên chị có vay tiền của ông H như ông H trình bày trên là đúng, cụ thể tổng số tiền vay là 70.000.000đ, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 20/10/2018 vay 18.000.000đ, chị là người trực tiếp viết và ký giấy biên nhận nợ, hẹn 30 ngày sau sẽ thanh toán trả nợ.

- Lần 2: Ngày 30/10/2018 vay số tiền 52.000.000đ, chị đã trực tiếp ký giấy biên nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.000.000đ/tháng, khi nào chị bán được gà sẽ thanh toán trả nợ cho ông H.

Quá trình vay nợ chị đã thanh toán trả lãi cho ông H được khoảng 3 tháng, sau đó do điều kiện khó khăn, chăn nuôi bị dịch bệnh nên chị không trả lãi được cho ông H và cũng đã xin ông H cho được trả nợ gốc và lãi dần, nhưng ông H không đồng ý. Nay ông H có đơn khởi kiện đòi nợ tổng số tiền nợ gốc là 70.000.000đ, quan điểm của chị xác định đối với số tiền 18.000.000đ (vay ngày 20/10/2018), sau khi vay khoảng 10 ngày chị đã nhiều lần nhờ chị dâu là Nguyễn Thị Th1 (ở cùng thôn) thanh toán trả cho ông H nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh về việc này và ông H cũng không thừa nhận việc này. Do đó chị xác nhận còn nợ ông H tổng số tiền 70.000.000đ, chị đồng ý thanh toán trả nợ cho ông H toàn bộ số tiền trên, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn chị đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ cho đến khi thanh toán xong 70.000.000đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Thái H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Minh Th phải thanh toán trả cho ông tổng số tiền 70.000.000đ, nếu Bản án có hiệu lực pháp luật mà chị Th không thanh toán trả nợ thì đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh Th đồng ý trả nợ cho ông H tổng số tiền 70.000.000đ, nhưng do điều kiện kinh tế chị đang gặp khó khăn nên chị đề nghị được trả nợ dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Việc vay nợ giữa ông Phạm Thái H và chị Nguyễn Thị Minh Th thực hiện giữa cá nhân với cá nhân, được ký kết bằng giấy biên nhận nợ nên đây là vụ án dân sự “Tranh chấp đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch vay tài sản giữa các bên phát sinh phát sinh quyền và nghĩa vụ là năm 2018, do đó pháp luật được áp dụng giải quyết vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án, xét thấy: Do có mối quan hệ quen biết ông Phạm Thái H đã cho chị Nguyễn Thị Minh Th vay tổng số tiền 70.000.000đ được thể hiện tại 02 giấy biên nhận nợ cụ thể: Ngày 20/10/2018 vay 18.000.000đ và ngày 30/10/2018 vay số tiền 52.000.000đ. Quá trình vay nợ chị Th đã không trả nợ cho ông H như đã thỏa thuận. Đến nay ông H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc chị Th phải thanh toán trả nợ cho ông tổng số tiền là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), ông H không yêu cầu chị Th phải trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Minh Th đã xác nhận còn nợ ông H tổng số tiền 70.000.000đ, chị đồng ý thanh toán trả nợ cho ông H toàn bộ số tiền trên, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn chị đề nghị được trả nợ dần.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đã thỏa thuận về số tiền vay nợ, phía chị Th đồng ý thanh toán trả nợ tổng số tiền 70.000.000đ cho ông Phạm Thái H, nhưng các bên đương sự không thống nhất được về thời gian thanh toán trả nợ. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thái H. Buộc chị Nguyễn Thị Minh Th phải thanh toán trả nợ cho ông Phạm Thái H tổng số tiền 70.000.000đ (*bảy mươi triệu đồng*).

[5] Về lãi suất: Ông Phạm Thái H không yêu cầu chị Th phải thanh toán trả lãi, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh Th phải chịu án phí theo giá ngạch đối với nghĩa vụ phải thực hiện là 70.000.000đ x 5% = 3.500.000đ. Ông Phạm Thái H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ theo biên lai số AA/2017/0002674 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị Minh Th có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Thái H tổng số tiền là: 70.000.000đồng (*bảy mươi triệu đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả trên số dư nợ gốc còn nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ông Phạm Thái H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đồng theo biên lai số AA/2017/0002674 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Dung

